

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2025

*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Văn ngân

Ông Nguyễn Mạnh Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Mã Ngọc Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Vi Văn H, sinh năm 1995 (Có mặt);

* Bị đơn: Chị Sái Thị T, sinh năm 1996 (Có mặt);

Cùng trú tại: Thôn N, xã X, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/7/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Vi Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/02/2016 tại UBND xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã C, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2025 thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh H, chị T có 02 con chung tên là Vi Phúc H1, sinh ngày 01/02/2017 và Vi Đăng K, sinh ngày 24/11/2018. Ly hôn anh H yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 con chung đến năm đủ 18 tuổi, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Vi Đăng K mỗi tháng 3.000.000,đ (Ba Triệu đồng), tại phiên tòa anh H thay đổi mức yêu cầu cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng 2.000.000,đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu Vi Phúc H1.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Sái Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 01/02/2016 tại UBND xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã C, tỉnh Thái Nguyên). Trong quá trình chung sống với nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh H có đơn xin ly hôn, chị T nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Vi Phúc H1, sinh ngày 01/02/2017 và Vi Đăng K, sinh ngày 24/11/2018. Ly hôn chị T yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng Vi Đăng K, anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con Vi Phúc H1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày nguyện vọng và biên bản làm việc với cháu Vi Phúc H1 ngày 04/8/2025, cháu H1 trình bày:

Cháu là con bố H mẹ T. Nay bố mẹ cháu ly hôn, cháu không muốn bố mẹ ly hôn nhưng nếu bố mẹ cháu nhất quyết ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố.

Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2025 về điều kiện nuôi con của anh H, ông Vi Văn H2 và bà Lộc Thị S là bố mẹ đẻ của anh H cho biết:

Vợ chồng anh H chị T kết hôn năm 2016, sau khi kết hôn thì sống chung với ông bà cho đến năm cháu Vi Phúc H1 chuẩn bị vào lớp 1 thì ra ở riêng. Quá trình chung sống ông bà không thấy phát sinh mâu thuẫn, đến khoảng 20/5/2025 thì chị T dọn về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Nhà anh H là nhà tạm quây bằng tôn rộng khoảng 50 m², cách nhà ông bà khoảng 500m. Hiện nay anh H đang làm nhân viên giao hàng tại xã N, tỉnh Thái Nguyên, sáng anh H đi làm đến tối lại về nhà. Khi anh H đi làm thì các con ở cùng với ông bà, đến tối anh H đi làm về thì đón các con về nhà anh H ở để tiện chăm sóc và đưa đón các con đi học.

Nhà anh H đối diện công trường học của 02 cháu. Hiện nay chỉ có hai ông bà sống trong căn nhà sàn làm bằng gỗ rộng khoảng 90 m² đầy đủ điều kiện cho các cháu sinh sống cùng. Nếu anh H chị T ly hôn thì ông bà đồng ý cho anh H và các cháu sống cùng và phụ giúp anh H trong việc chăm sóc các cháu khi anh H đi làm.

Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2025 về điều kiện nuôi con của chị T, ông Sái Hà T1 và bà Lê Thị N, bố mẹ đẻ của chị T cho biết:

Anh H chị T kết hôn năm 2016, sau khi kết hôn chị T về nhà chồng sinh sống. Đến khoảng tháng 5/2025 chị T về nhà ông bà và nói bị anh H đánh, sau đó chị T dọn về nhà ở cùng ông bà. Khoảng tháng 6/2025 chị T đi làm công ty ở Bắc Ninh. Nếu chị T ly hôn và được nuôi con thì ông bà đồng ý cho chị T và con sống cùng nhà ông bà, giúp chị T trông nom, chăm sóc đưa đón cháu đi học khi chị T đi làm. Hiện nay chỉ có ông bà sinh sống và thỉnh thoảng ông bà trông hộ 02 con của anh trai chị T. Nhà của ông bà là nhà sàn làm bằng gỗ rộng khoảng 200 m² cách trường học khoảng 2,5km, có đầy đủ điều kiện cho mẹ con chị T sinh sống.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Vi Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung, rút một phần hoặc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con là cháu Vi Đăng K anh H thay đổi mức yêu cầu cấp dưỡng. Cụ thể: Anh H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị T; yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là Vi Phúc H1 và Vi Đăng K đến năm đủ 18 tuổi, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Vi Đăng K mỗi tháng 3.000.000,đ (Ba Triệu đồng), tại phiên tòa anh H thay đổi mức yêu cầu cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng 2.000.000,đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu Vi Phúc H1; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Sái Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H có đơn xin ly hôn, chị T nhất trí ly hôn; Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Đăng K, anh H trực tiếp nuôi dưỡng con Vi Phúc H1 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Vi Văn H. Anh Vi Văn H được ly hôn với chị Sái Thị T. Giao con chung Vi Phúc H1, sinh ngày 01/02/2017 cho anh Vi Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con chung Vi Đăng K, sinh ngày 24/11/2018 cho chị Sái Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh H và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Bác yêu cầu được trực tiếp nuôi con Vi Đăng K và cấp dưỡng nuôi con Vi Đăng K của anh H. Tài sản chung và nợ chung không xem xét do đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí, anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vi Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Sái Thị T. Bị đơn chị Sái Thị T có nơi cư trú tại: Thôn N, xã X, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung theo luật số 85/2025/QH15 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/02/2016 tại UBND xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã C, tỉnh Thái Nguyên). Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Vi Văn H: Căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thấy rằng, quá trình chung sống vợ chồng anh H chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2025 cho đến nay, từ khi sống ly thân cho đến nay các bên đều không còn quan tâm đến nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng, cả hai bên đều không còn mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Tại phiên anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị T và chị T nhất trí ly hôn với anh H. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận hôn nhân giữa anh H và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

[3] Về con chung: Anh Vi Văn H và chị Sái Thị T có 02 con chung tên là Vi Phúc H1, sinh ngày 01/02/2017 và Vi Đăng K, sinh ngày 24/11/2018. Con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay các con chung đang sinh

sống cùng với anh H. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự nhận thấy: Anh H có nhà riêng, loại nhà bằng tôn, khung sắt, quay xung quanh bằng tôn, diện tích khoảng 50m², đủ điều kiện sinh hoạt cơ bản, vị trí đối diện cổng trường học của 02 con. Hiện nay anh H làm nhân viên giao hàng có thu nhập ổn định với mức thu nhập trung bình 6.000.000đ/1 tháng. Hàng ngày anh H đi làm có bố mẹ hỗ trợ anh H đón, chăm sóc con nhỏ đến khi anh H đi làm về. Kể từ khi ly thân chị T về nhà bố mẹ để sinh sống, có chỗ ở ổn định. Nhà bố mẹ chị T là nhà sàn rộng khoảng 200m², đầy đủ điều kiện sinh hoạt, cách trường học khoảng 2,5km. Bố mẹ chị T nhất trí cho chị T và con sống chung và phụ giúp chị T chăm sóc, đưa đón cháu đi học khi chị T đi làm. Hiện nay chị T đang làm công nhân tại Bắc Ninh cho Công ty TNHH K1, có thu nhập ổn định với mức lương thực lĩnh hàng tháng khoảng 12.000.000đ. Xét thấy cả anh H và chị T đều đảm bảo điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào điều kiện kinh tế, chỗ ở, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của các bên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, HĐXX thấy cần phải giao cho mỗi bên nuôi một con chung để các bên có điều kiện tốt nhất trong việc nuôi dạy con và không tạo áp lực vượt quá khả năng của các bên. Căn cứ vào yêu cầu được trực tiếp nuôi con của các bên đương sự, nguyện vọng muốn được ở với bố của cháu Vi Phúc H1, độ tuổi của cháu Vi Đăng K, HĐXX xét thấy cần giao cháu Vi Phúc H1 cho anh Vi Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Vi Đăng K cho chị Sái Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện của các bên, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu của anh Vi Văn H về việc được trực tiếp nuôi con chung Vi Đăng K và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con Vi Đăng K mỗi tháng 2.000.000,đ. HĐXX xét thấy việc giao cả hai con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ được nuôi con sau ly hôn của chị T. Do đó, HĐXX không chấp nhận yêu cầu này của anh H là phù hợp với điều kiện của các bên, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vi Văn H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Vi Phúc H1. Chị Sái Thị T yêu cầu được nuôi cháu Vi Đăng K và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Như vậy, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Anh Vi Văn H và chị Sái Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Vi Văn H và chị Sái Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh Vi Văn H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của anh Vi Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi Văn H được ly hôn với Chị Sái Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung Vi Phúc H1, sinh ngày 01/02/2017 cho anh Vi Văn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vi Văn H về việc được trực tiếp nuôi con chung Vi Đăng khôi và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung Vi Đăng K.

Giao con chung Vi Đăng K, sinh ngày 24/11/2018 cho chị Sái Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Vi Văn H và chị Sái Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Vi Văn H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung Vi Phúc H1; Chị Sái Thị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung Vi Đăng K. Nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vi Văn H phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000108, ngày 11/7/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên. Xác nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 8;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Côn Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thanh Bình

